

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST

Ngày: 22-6-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hang hoá và yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu;
2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 49/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Đăng K, sinh năm 1965 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H V; địa chỉ: Số 237, Tổ 13, Ấp 3, xã T, huyện P, tỉnh B; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Kiều Thị N H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 237, Tổ 13, Ấp 3, xã T, huyện P, tỉnh B;

- Ông Đào Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 137, đường ĐX 025, Tổ 15, Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017, 28/3/2018 và ngày 18/10/2017. Bà Hằng và ông Tiến có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông L T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn H H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Thôn Tăng Long 2, xã Tam Quan Nam, huyện H, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: Số 36, Đường 41, Khu phố 7, phường H, quận T, Thành phố H. Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018 và 27/3/2018; ông Hoàng có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Trần K H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 4, ấp Hóa Nhựt, xã T, thị xã T, tỉnh B;

3.2. Bà Kiều Thị N H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 237, Tổ 13, Ấp 3, xã T, huyện P, tỉnh B.

4. *Người làm chứng*:

- Công ty TNHH MTV Cao su S; địa chỉ: Quốc lộ 14, xã M, huyện C, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đ D - Chức vụ: Tổng giám đốc, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ông Võ Đình N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 241, khu phố Bình Hòa 2, phường T, thị xã T, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2017, 01/11/2017, Bản tự khai ngày 25 và 29/11/2017 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Văn Tiến và bà Kiều Thị Nguyệt Hằng thể hiện:

DNTN Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H do ông Bùi Đăng K làm chủ có chức năng mua bán vật tư cao su.

Ngày 20/01/2017, ông Bùi Đăng K và ông L T ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nội dung: Ông L T bán cho ông Bùi Đăng K 50.000 chén sành húng mủ cao su loại 1 lít với giá 2.400 đồng/cái, tổng giá trị hợp đồng là 145.000.000 đồng, giao hàng vào tháng 02/2017. Cùng ngày 20/01/2017, ông K ứng cho ông T 100.000.000 đồng.

Ngày 14/02/2017, ông Bùi Đăng K và ông L T ký hợp đồng mua bán hàng hóa có nội dung: Ông Lý Thông bán cho ông Bùi Đăng K 150.000 chén sành húng mủ cao su loại 0,75 lít với giá 2.900 đồng/cái, tổng giá trị hợp đồng là 360.000.000 đồng, giao hàng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/3/2017. Cùng ngày 14/02/2017, ông K ứng cho ông T 250.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, ông Bùi Đăng K ký hợp đồng cung cấp chén sành hứng mũ cao su cho Công ty TNHH MTV Cao su S.

Tuy nhiên, đến thời điểm giao hàng, ông L T chỉ giao cho DNTN H 25.000 chén sành hứng mũ loại 0,75ml, đơn giá 2.400 đồng/chiếc, tương ứng 60.000.000 đồng, số hàng còn lại ông T không giao mặc dù ông K đã yêu cầu nhiều lần. Do không có hàng để giao cho Công ty S, để không bị phạt hợp đồng, ông K phải ký hợp đồng với bên thứ ba với giá cao hơn để cung cấp cho Công ty S, cụ thể: Ngày 20/4/2017, ông K ký hợp đồng mua bán với ông Võ Đình N mua 50.000 chén sành hứng mũ cao su loại 1 lít, giá 6.000 đồng/cái với số tiền 300.000.000 đồng và 125.000 chén sành loại 0,75ml với giá 5.500 đồng/cái với số tiền 687.500.000 đồng, tổng giá trị hợp đồng là 987.500.000 đồng. Như vậy, tổng thiệt hại, ông K phải gánh chịu là 542.500.000 đồng.

Việc vi phạm hợp đồng của ông L T ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Đăng K nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông L T phải trả cho K 385.000.000 đồng, trong đó tiền đã nhận chưa giao hàng là 350.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 21/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 350.000.000 đồng x 10 tháng x 1% = 35.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại 542.500.000 đồng tiền chênh lệch giá.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Nguyễn H H trình bày tại Biên bản làm việc ngày 12/01/2018, Văn bản ngày 12/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thông nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ông Bùi Đăng K với ông L T có ký hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 20/01/2017 và ngày 14/02/2017. Ông T cũng đã nhận tiền ứng của 2 hợp đồng là 350.000.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng là giao hàng tại kho của bên bán. Sau đó, ông K hứa mua xe tải 2,5 tấn rồi xuống nhận hàng. Tuy nhiên, hơn 01 tháng sau ngày 20/01/2017, ông K mới thông báo mua được xe và đến ngày 06/3/2017, ông K cho tài xế đến lò chén của ông L T để nhận hàng với số lượng 25.000 cái tương ứng số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 08/9/2015, giữa ông K với ông T có giao dịch về mua bán xe tải, do ông K hứa làm thủ tục sang tên cho ông T nhưng đến tháng 3/2017, ông K vẫn chưa thực hiện nên giữa các bên phát sinh mâu thuẫn, ông K không đến nhận hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đến đầu tháng 4/2017, do ông K không lấy hàng nên ông T bán lô hàng tồn.

Nay ông K khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả lại cho ông K 385.000.000 đồng, trong đó tiền đã nhận chưa giao hàng là 350.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 21/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 35.000.000 đồng và bồi thường 542.500.000 đồng do chênh lệch giá, đại diện bị đơn có ý kiến như sau: Không đồng ý bồi thường thiệt hại vì ông T không vi phạm hợp đồng mà do ông K không đến nhận hàng, nếu ông K vẫn tiếp tục muốn nhận hàng thì ông T sẽ giao

hàng; trường hợp không đến nhận hàng thì ông T chỉ đồng ý trả tiền đã nhận tương ứng với số chén chưa nhận là 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghe đại diện bị đơn trình bày, đại diện nguyên đơn có ý kiến như sau: Việc mua bán xe giữa ông Bùi Đăng K với ông L T là một giao dịch khác, không liên quan và không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này; đại diện nguyên đơn thừa nhận ông K đã nhận hàng tương ứng với số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ gốc là 290.000.000 đồng nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại vì thiệt hại này phát sinh từ việc ông T không giao hàng theo thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Kiều Thị N H có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Kim H có lời trình bày tại Bản tự khai ngày 12/5/2018 như sau: Việc mua bán với ông Bùi Đăng K là do ông T thực hiện, bà H không biết và cũng không tham gia nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng, đại diện Công ty S trình bày tại Bản tự khai ngày 05/3/2018 như sau: Công ty S có ký Hợp đồng số 02/HĐM/2017 ngày 25/01/2017 với ông Bùi Đăng K, Chủ DNTN H V với nội dung mua 245.748 chén sành 1 lít x 3.718 đồng/cái; 116.965 chén sành 0,75 lít x 2.890 đồng/cái. Thời gian thực hiện hợp đồng là 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, DNTN H V đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty S cũng đã thanh toán đủ tiền. Việc chủ DNTN H V mua chén của ai để cung cấp cho Công ty S thì đại diện Công ty không biết và cũng không quan tâm.

Người làm chứng ông Võ Đình N trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2018 của Tòa án như sau: Ngày 20/4/2017, ông Bùi Đăng K có ký hợp đồng mua của ông Võ Đình N 50.000 cái chén sành 1 lít với giá 6.000 đồng/1 cái và 125.000 cái chén sành loại 0,75 lít với giá 5.500 đồng/1 cái chén. Ông N đã giao đủ hàng theo thỏa thuận cho ông K, ông K đã thanh toán đủ tiền cho ông N. Việc nhận tiền và giao hàng không lập biên bản giao nhận và không xuất hóa đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng thời cho rằng, số lượng chén thể hiện trong hợp đồng giữa ông K với Công ty S nhiều hơn so với số lượng chén theo hợp đồng ký giữa ông K với ông L T là do ông T không phải là nhà cung cấp duy nhất của ông K. Tuy nhiên, do ông T không cung cấp hàng hoá nên ông K phải ký hợp đồng mua của ông Võ Đình N số chén bằng với số chén trong hợp đồng ký với ông L T để cung cấp cho Công ty S. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng hợp đồng được ký giữa ông K với Công ty S vào thời gian giữa của 2 hợp đồng được ký giữa ông K với ông T; số lượng chén ông K ký hợp đồng mua của ông T ít hơn số chén ông K cung cấp cho Công ty S; hợp đồng ký giữa ông K với

ông T không đề cập đến trách nhiệm của các bên đối với bên thứ ba (Công ty S); ông K không đến nhận hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng chứ không phải do ông T không giao hàng. Do ông T không vi phạm hợp đồng nên không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông K. Ông T đồng ý trả lại tiền đã nhận tương ứng với số chén chưa giao và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử là đã quá hạn nên đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L T bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông Thông vi phạm hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bị đơn về việc đồng ý trả lại số tiền đã nhận 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và nợ lãi của các hợp đồng mua bán. Đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã T, thị xã T, tỉnh B nên tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[3]. Về nội dung: Theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán ngày 20/01/2017 và 14/02/2017, ông T có nghĩa vụ giao hàng tại kho của bên bán là lò của ông L T; thực tế lô hàng ngày 06/3/2017 cũng được thực hiện tại lò của ông L T.

Đại diện nguyên đơn cho rằng ông T không giao hàng theo thỏa thuận nên để không bị Công ty S phạt hợp đồng, ông K phải mua hàng của ông Võ Đình N để cung cấp hàng cho Công ty S. Đại diện bị đơn không thừa nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn và cho rằng ông T đã chuẩn bị hàng nhưng bên mua không đến nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm của bị đơn. Nguyên đơn cung cấp bản sao các tin nhắn chụp từ điện thoại cho rằng nội dung tin nhắn thể hiện ông T không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng, đồng thời yêu cầu Toà án thu thập tin nhắn trao đổi qua lại giữa số điện thoại 0909145009 với số 0908675380 từ tổng đài Mobifone là số điện thoại ông Bùi Đăng K và ông L T sử dụng để trao đổi mua bán để chứng minh hành vi vi phạm hợp đồng của ông L T. Tuy nhiên, Công văn số 835/TT.TCTK-ĐSTK ngày 20/6/2018 của Trung tâm tính cước và Thanh khoản Mobifone, Tổng Công ty viễn thông Mobifone cung cấp thông tin theo yêu cầu của Toà án xác định không cung cấp được nội dung tin nhắn di động theo yêu cầu của Toà án nhưng cung cấp cho Toà án bảng kê chi tiết thể hiện thời điểm nhắn tin qua lại giữa ông T với ông K. Qua bảng kê cho thấy, thời điểm nhắn tin qua lại giữa ông T với ông K trong thời gian tháng 4/2017, thời điểm tháng 02 và 3/2017 không thể hiện có nhắn tin qua lại giữa 2 bên. Căn cứ hợp đồng đã ký giữa 2 bên thì thời hạn thực hiện hợp đồng đã ký giữa ông K và ông T theo thoả thuận trong hợp đồng là tháng 02 và 3/2017. Nội dung bản sao tin nhắn do nguyên đơn cung cấp cho Toà án cũng không thể hiện nội dung ông T không giao hàng cho ông K.

Như vậy, không có cơ sở cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng; hợp đồng đã ký giữa 2 bên cũng không thể hiện trách nhiệm của các bên đối với bên thứ ba. Nên không có cơ sở cho rằng ông L T phải chịu trách nhiệm đối với hợp đồng đã ký giữa ông K với Công ty S. Hơn nữa, hợp đồng ký với Công ty S vào thời điểm giữa thời gian hợp đồng đã ký giữa ông K với ông T. Số lượng chén ông K ký hợp đồng cung cấp cho Công ty S nhiều hơn so với hợp đồng đã ký với ông L T. Ông T cũng không phải là nhà cung cấp duy nhất của ông K. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[4]. Đối với số tiền 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, đại diện bị đơn đã nhận tiền nhưng chưa giao hàng, nay bị đơn đồng ý thanh toán lại cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng, đại diện bị đơn cũng đồng ý lãi suất này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi bị đơn phải chịu tính từ ngày 14/02/2017 đến ngày 22/6/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 16 tháng 8 ngày = 47.173.333 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông L T phải thanh toán cho ông Bùi Đăng K là 290.000.000 đồng + 47.173.333 đồng = 337.173.333 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị ghi nhận ý kiến của bị đơn về việc đồng ý trả lại số tiền đã nhận 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 1%/tháng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí: Ông Bùi Đăng K phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; ông L T phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đăng K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H V đối với bị đơn ông L T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Buộc ông L T phải thanh toán cho ông Bùi Đăng K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H V tổng số tiền là 337.173.333 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Đăng K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu ông L T chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đăng K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H V đối với bị đơn ông Lý Thông về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 542.500.000 đồng.

3. Về án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Bùi Đăng K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại và Dịch vụ H V phải chịu 25.700.000 đồng, được khấu trừ 19.900.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013438 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, ông K còn phải nộp 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông L T phải chịu 16.858.666 đồng (Mười sáu triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Nguyên đơn, bị đơn thông qua người đại diện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị N H có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan bà Trần Kim H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế